

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

VIỆC DỊCH TRẬT TỰ TỪ TRONG CÂU CHỦ ĐỀ TỪ TIẾNG TRUNG QUỐC SANG TIẾNG VIỆT

NGUYỄN THỊ LUYỆN*

TÓM TẮT: Câu chủ đề tiếng Trung Quốc là loại câu mà nêu chủ đề ra trước, sau đó thêm phần bình luận. Kết cấu cơ bản của câu là: “ngữ chủ đề + ngữ bình luận”, trọng tâm của kết cấu này là thành phần ngữ chủ đề, trọng tâm ngữ nghĩa là thành phần ngữ bình luận. Trong bài viết này, chúng tôi tiến hành thống kê 80 hồi đầu tiên của tác phẩm Hồng Lâu Mộng và bản dịch tương đương, thu được 5.172 câu chủ đề. Trong đó có 206 câu sau khi dịch sang tiếng Việt có sự thay đổi về trật tự từ. Loại thứ nhất: thứ tự trong câu tiếng Trung Quốc và Việt khác nhau, kiểu câu không đổi, có 57 câu, chiếm 2,51% tổng số câu chủ đề; Loại thứ hai: thứ tự trong câu tiếng Trung Quốc và Việt khác nhau, kiểu câu thay đổi, gồm 149 câu, chiếm 6,55% tổng số câu chủ đề. Thông qua đối chiếu bản gốc và bản dịch, từ đó chúng tôi chỉ ra những điểm giống và khác nhau giữa tiếng Trung Quốc và tiếng Việt.

TỪ KHÓA: câu chủ đề; trật tự từ; phiên dịch; đối chiếu; Hồng Lâu Mộng.

NHẬN BÀI: 22/9/2022.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 21/11/2022

1. Đặt vấn đề

Câu chủ đề tiếng Trung Quốc (gọi tắt: “câu tiếng Trung”) là loại câu mà nêu chủ đề ra trước, sau đó thêm phần bình luận. Kết cấu cơ bản của câu là: “ngữ chủ đề + ngữ bình luận”, trọng tâm của kết cấu này là thành phần ngữ chủ đề, trọng tâm ngữ nghĩa là thành phần ngữ bình luận.

Ngữ chủ đề là thành phần đề bình luận, đánh giá, thông thường nằm ở phần đầu tiên của câu, là trọng tâm kết cấu của câu. Thành phần này có thể do một từ, một tổ từ hoặc một phân câu đảm nhiệm.

Ngữ bình luận thường đứng sau ngữ chủ đề, có tác dụng bình luận, đánh giá chủ đề. Thành phần này có thể do động từ, danh từ hoặc tính từ đảm nhiệm. Trong cùng một câu có thể một hoặc nhiều ngữ bình luận. Câu chỉ có một ngữ bình luận được gọi là câu chủ đề đơn đoạn. Câu chủ đề có hai ngữ bình luận trở lên được gọi là câu bình luận đa đoạn.

Trong bài viết này, chúng tôi tiến hành thống kê 80 hồi đầu tiên của tác phẩm Hồng Lâu Mộng và bản dịch tương đương, thu được 29.101 câu, trong đó số lượng câu chủ đề là 5.172 câu, chiếm 17,77% tổng số câu. Trong đó có 206 câu sau khi dịch sang tiếng Việt có sự thay đổi về trật tự từ, chiếm 9,05%. Loại thứ nhất: thứ tự trong câu tiếng Trung và Việt khác nhau, kiểu câu không đổi, có 57 câu, chiếm 2,51% tổng số câu chủ đề; Loại thứ hai: thứ tự trong câu tiếng Trung và Việt khác nhau, kiểu câu thay đổi, gồm 149 câu, chiếm 6,55% tổng số câu chủ đề. Thông qua đối chiếu bản gốc và bản dịch, từ đó chúng tôi chỉ ra những điểm giống và khác nhau giữa tiếng Trung và tiếng Việt.

Bảng 1. Thống kê câu chủ đề trong 80 hồi đầu tiên

Thứ tự	Nội dung	Số câu	Tỉ lệ (%)
1	Câu chủ đề	5172	17.77
2	Tổng số câu	29101	100

2. Khái niệm “trật tự từ”

Theo Lý Toàn Thắng (2004, tr.30-31), các thành phần chủ yếu của câu tiếng Việt có những nét riêng về phương diện trật tự từ: một mặt, vị trí của các thành phần này không bị bó buộc quá nghiêm

* Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: luyennt@vnu.edu.vn

ngắt, nhưng mặt khác chúng cũng không được tự do thay đổi vị trí (mà phải có những điều kiện nhất định). Do đó, một thành phần câu có thể có vị trí “thuận” của nó, như chủ ngữ thường là ở trước vị ngữ. Vị ngữ thường có vị trí “thuận” là ở sau chủ ngữ. Tuy nhiên, riêng với trường hợp vị ngữ phụ thì trong một số trường hợp chúng có khả năng linh hoạt về vị trí hơn.

Zhang Zhi Gong (1985, tr.54) cho rằng, “Trật tự dùng để chỉ thứ tự sắp xếp của các đơn vị ngôn ngữ ở mọi cấp độ trong tổ hợp, chẳng hạn như thứ tự sắp xếp của các hình vị trong từ ghép, thứ tự sắp xếp của từng thành phần trong một cụm từ (hoặc một câu), thứ tự sắp xếp của mỗi mệnh đề trong một câu phức và thứ tự của mỗi câu trong một nhóm câu.”.

3. Đối chiếu việc dịch trật tự từ trong câu chủ đề tiếng Trung sang tiếng Việt

3.1. Sơ lược về bản gốc và bản dịch

Chúng tôi chọn bản gốc tiếng Trung của tác phẩm Hồng Lôu Mộng là bản 80 hồi nhà xuất bản Văn học Nhân Dân Bắc Kinh năm 1958. Đồng thời chúng tôi chọn bản dịch của nhóm dịch giả Vũ Bội Hoàng, nhà xuất bản Văn Nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh năm 1989, đây là bản dịch được dịch từ bản tiếng Trung 80 hồi, nhà xuất bản Văn học Nhân Dân Bắc Kinh (1958, tr.46-67). Chúng tôi chọn bản dịch này vì đây là bản dịch được sử dụng rộng rãi nhất tại Việt Nam hiện nay, đồng thời nó đủ ba tiêu chí “tín, đạt, nhã”. Dịch giả là người thông thạo văn hóa và ngôn ngữ của cả Việt Nam và Trung Quốc. Điều đáng nói là trong nhóm dịch thuật, có Nguyễn Đức Vân đã từng tham gia dịch cuốn tiểu thuyết “Hoàng Lê nhất thống chí” - đó là cuốn tiểu thuyết lớn của Việt Nam.

Ngoài ra, tác giả chọn một số bản dịch rút gọn khác, ví dụ bản dịch của Trương Chính, gọi tắt là phiên bản B. Tác giả chọn bản dịch của Trần Hữu Nùng, gọi tắt là bản C, bản dịch của Thùy Dương, do Nhà xuất bản Mỹ thuật xuất bản năm 2016, gọi tắt là bản D; bản dịch của Vũ Bích Ngọc, Nxb Văn học, xuất bản năm 2019, gọi tắt là bản dịch E.

3.2. Thay đổi trật tự từ trong bản dịch tiếng Việt

Có 206 câu sau khi dịch sang tiếng Việt có sự thay đổi về trật tự từ. Có hai dạng khác biệt chính về sự thay đổi trật tự từ trong bản dịch tiếng Việt đó là: loại thứ nhất là thứ tự từ của câu chủ đề tiếng Trung và bản dịch tiếng Việt có sự thay đổi về trật tự nhưng vẫn giữ nguyên kiểu câu, chỉ có 57 câu, chiếm 2,51% tổng số câu chủ đề; Loại thứ hai là thứ tự từ của câu chủ đề tiếng Trung và bản dịch tiếng Việt có sự thay đổi trật tự từ và thay đổi kiểu câu, gồm 149 câu, chiếm 6,55% tổng số câu chủ đề.

Bảng 2. Các loại thay đổi trật tự từ trong bản dịch tiếng Việt

Thứ tự	Nội dung	Số câu	Tỉ lệ (%)
1	Trật tự thay đổi, kiểu câu giữ nguyên	57	27,67
2	Trật tự thay đổi, kiểu câu thay đổi	149	72,33
3	Tổng số câu	206	100

3.2.1. Trật tự thay đổi, kiểu câu giữ nguyên

Tiếng Việt là ngôn ngữ đơn lập, có tính chất phi hình thái. Với tiếng Việt chúng ta không thể dựa vào về ngoài của từ, vào hình thái của nó để đoán định xem nó quan hệ với những từ khác trong lời nói như thế nào, vai trò của nó trong một cấu tạo cú pháp nào đó ra sao. Tất cả những điều đó được thể hiện bằng cái mà mọi người gọi là trật tự từ và bằng các từ phụ trợ đi kèm và phục vụ cho những từ thực tương ứng. [Nguyễn Cao Đàm, 2008, tr.19].

Thứ tự từ rất quan trọng và các trật tự từ khác nhau sẽ có ý nghĩa hoặc chức năng khác nhau. Một số câu chủ đề tiếng Trung được dịch sang tiếng Việt, trật tự từ gốc không được giữ nguyên, nhưng chức năng diễn đạt câu chủ đề tiếng Trung ban đầu được giữ nguyên.

(1) 四小姐乃宁府珍爷之胞妹, 名唤惜春。

Bản dịch A: *Tiểu thư thứ tư là Tích Xuân, em ruột Giả Trân ở bên phủ Ninh.* (四小姐是惜春, 宁府珍爷之胞妹。)

Bản dịch B: tương tự bản dịch A.

(2) 其钗环裙袄, 三人皆是一样的妆饰。

Bản dịch A: *Ba cô quần áo trang sức đều như nhau.* (三人裙袄妆饰都一样。)

Bản dịch B: tương tự bản dịch A.

(3) 他自己又老了, 又不顾体面, 一味的吃酒, 一吃醉了, 无人不骂。

Bản dịch A: *Lại thêm nó đã già rồi, chỉ thích uống rượu, không giữ thể diện, khi say bạ ai nó cũng mắng.* (再说他又老了, 只喜欢喝酒, 不顾体面, 醉时谁他也骂。)

(4) 这会子见了这花, 因有所感, 或者偶成了两句, 一时兴至恐忘, 在地下画着推敲, 也未可知。

Bản dịch A: *Bây giờ nó trông thấy hoa, lòng cảm xúc, trong khi cao hứng, nảy ra mấy vắn, lại sợ quên, nên vạch xuống đất để dẫn đo cân nhắc, cũng chưa biết chừng!* (现在他看见花, 有所感, 兴致起来, 偶成了几句, 又怕忘, 因此地下画着推敲, 也未可知!)

(5) 只见园中香烟缭绕, 花彩缤纷, 处处灯光相映, 时时细乐声喧, 说不尽这太平气象, 富贵风流。

Bản dịch A: *Khói thơm nghi ngút, bóng hòa rập rờn, chỗ nào cũng đèn sáng chói lọi, lúc nào cũng tiếng nhạc du dương, thật là cảnh tượng thái bình, phong lưu phú quý, nói không xiết được!* (香烟缭绕, 花彩缤纷, 处处灯光相映, 时时细乐声喧, 真是太平气象, 风流富贵, 说不尽的!)

Theo Nguyễn Thiện Giáp “khi muốn nhấn mạnh nội dung nào đó thì trật tự có thể đổi khác”. (dẫn theo Nguyễn Huy Cận, 2005, tr.76). Như vậy, các câu tiếng Trung khi dịch sang tiếng Việt có sự thay đổi trật tự, nhưng kiểu câu vẫn giữ nguyên. Tuy nhiên chúng ta thấy được, câu tiếng Việt đã đưa nội dung trọng tâm hoặc cho là quan trọng trong câu sẽ nói trước, các nội dung khác nói sau. Đó chính là sự khác biệt về mặt ngữ nghĩa của câu tiếng Trung và tiếng Việt.

3.2.2. Trật tự thay đổi, kiểu câu thay đổi

Sau khi câu chủ đề tiếng Trung được dịch sang tiếng Việt thì trật tự từ của cả câu được thay đổi và thay đổi cả kiểu câu, hầu hết là câu chủ đề trong tiếng Trung sau khi dịch sang tiếng Việt chuyển thành câu hành động (câu mang tính chất hành động). Trường hợp đặc biệt còn có câu dịch sang tiếng Việt chuyển thành câu cầu khiến. Tổng số có 149 câu, chiếm 6,55% tổng số câu của chủ đề. Ví dụ:

(6) 经期又有两个月没来。” (Dịch thẳng: Kinh đã hai tháng nay không thấy).

Bản dịch A: *Hai tháng nay cháu lại không thấy kinh.*

(7) 我的小名这里没人知道。 (Dịch thẳng: Tên hiệu của mình ở đây không ai biết.)

Bản dịch A: *Ở đây chẳng ai biết tên mình cả.*

(8) 人命官司一事, 他却视为儿戏, 自为花上几个臭钱, 没有不了的。 (Dịch thẳng: Án mạng và việc quan, hấn coi như trò đùa, tự cho rằng bỏ ra vài đồng bạc thôi, là không có chuyện gì.)

Bản dịch A: *Hấn coi án mạng và việc quan cũng như chuyện đùa, cho rằng chỉ quăng ra một ít tiền là xong hết.*

(9) ‘何为’护官符’我竟不知? (Dịch thẳng: Thế nào là hộ quan phù tôi không biết?)

Bản dịch A: *Tôi chưa biết thế nào là “hộ quan phù”?*

Bản dịch C: *Vũ Thôn hỏi lại hộ quan phù là gì?*

Bản dịch A và C tuy khác nhau về câu chữ, nhưng đều không còn chức năng của câu chủ đề tiếng Trung nữa, bản chất câu đã thay đổi thành câu hành động. [Nguyễn Thị Luyện, Phan Thanh Hoàng, 2022, tr.50].

(10) 这个妹妹我曾见过的。 (Dịch thẳng: Cô em này tôi đã từng gặp rồi.)

Bản dịch A: *Hình như tôi đã được gặp cô em lần nào rồi.*

Bản dịch B: *Hình như đã được gặp em một lần nào rồi.*

Bản dịch D: *Cô em này cháu đã gặp rồi.*

Bản dịch E: *Em gái này ta đã từng gặp.*

Bản dịch D và E về bản chất là giống nhau, tuy vẫn giữ đúng chức năng của câu chủ đề nhưng tiếng Việt không thường xuyên nói như vậy. Cách diễn đạt trong bản dịch A và B sẽ được sử dụng thường xuyên hơn.

(11) **婶子的意思**侄儿猜着了, 是怕大妹妹劳苦了. (Dịch thẳng: *Ý thích cháu đoán được rồi, là sợ cô em khó nhọc đấy thôi.*)

Bản dịch A: *Cháu đã đoán được ý thích rồi. Thích chỉ sợ cô em khó nhọc đấy thôi.*

(12) : **葱绿柳黄**是我最爱的. (Dịch thẳng: *Màu thông xanh pha lẫn màu liễu vàng là tôi thích nhất.*)

Bản dịch A: *Tôi rất thích màu thông xanh pha với màu liễu vàng.* (Tương đương tiếng Trung: 我很喜欢葱绿混在一起柳黄。)

Sau khi câu chủ đề tiếng Trung được dịch sang tiếng Việt, bản dịch thường đổi câu chủ đề tiếng Trung thành động từ, vì vậy bản dịch tiếng Việt đã đổi câu chủ đề danh từ tiếng Trung thành câu động từ hành động và người nhận. Như là:

(13) : **说得**大家都笑了. (Dịch thẳng: *Câu nói đó cả nhà đều cười.*)

Bản dịch A: *Mọi người nghe vậy đều cười.* (大家听如此都笑。)

(14) : **这病**发了时到底觉怎样?

Bản dịch A: *Cô ốm (V) ra sao? (你生病怎么样?)*

(15) : **姐姐熏的**是什么香?

Bản dịch A: *Chị xúc thứ hương gì đấy? (姐姐/你喷什么香啊?)*

Bản dịch B: *Chị xông thứ hương gì đấy? (姐姐/你熏什么香啊?)*

(16) : **母亲这话**, 我做儿的如何禁得起? (Dịch thẳng: *Câu nói này của mẹ, phận làm con như con chịu sao nổi?*)

Bản dịch A: *Giờ mẹ nói thế thì con chịu sao nổi? (现在母亲说如此我如何禁得起?)*

(19) : **作**的是玩意儿, 无甚关系. (Dịch thẳng: *Cái mà cậu ấy làm là đùa, chẳng có gì đâu.*)

Bản dịch A: *Cậu ấy viết đùa đấy, chẳng có gì đâu. (他写开玩笑的, 没什么的。)*

Các câu chủ đề tiếng Trung sau khi dịch sang tiếng Việt, do thay đổi trật tự nên biến đổi kiểu câu. Phần lớn là chuyển từ câu chủ đề thành câu hành động. Tuy nhiên có trường hợp cá biệt còn biến thành câu cầu khiến. Ví dụ:

(20) : **这话**没的叫入恶心. (Dịch thẳng: *Câu nói này khiến người ta buồn nôn.*)

Bản dịch A: *Đừng nói thế.* (别这样说。)

Những câu tiếng Trung trên đây mới xem qua tưởng chừng là sau khi dịch sang tiếng Việt bị đảo ngược chủ đề. Trong tiếng Việt cũng có hiện tượng đảo tân ngữ. Bổ ngữ và khởi ngữ là hai thành phần khác nhau của câu. Khởi ngữ thường ở đầu câu, trước bộ phận chính của câu. Nguyễn Văn Hiệp (2017, tr.125) cho rằng, “Đối với một ngôn ngữ SVO như tiếng Việt, vị trí điển hình của bổ ngữ là sau vị ngữ”. Tuy nhiên, xem xét về chức năng câu chúng ta thấy được câu tiếng Trung và câu trong bản dịch tiếng Việt có sự khác biệt rõ rệt về bản chất. Các câu tiếng Trung sau khi dịch sang tiếng Việt, do sự thay đổi trật tự từ trong câu thì các câu chủ đề tiếng Trung đã chuyển thành câu mang tính chất hành động (câu hành động) trong bản dịch tiếng Việt. Ví dụ:

a) Ông giáo ấy không hút thuốc bao giờ.

a') *Thuốc*, ông giáo ấy không hút bao giờ.

b) *Cụ sai anh con cả đi tậu trâu tận Nam Hà.*

b') *Anh con cá, cụ sai đi tậu trâu tận Nam Hà.*

Quan điểm thứ nhất cho rằng “đã xảy ra sự “đề bạt”, một sự thay đổi cương vị trong cấu trúc câu: bổ ngữ khi được đưa lên trước chủ ngữ sẽ trở thành khởi ngữ của câu. Những người theo quan điểm này cho rằng, bổ ngữ trong câu a’ và b’ bị tinh lược, và thay thế bằng zero. Theo đó, khởi ngữ đứng đầu câu đã khống chế việc lượng bỏ các danh ngữ đồng sở chỉ trong câu. Quan điểm thứ hai phủ nhận sự “đề bạt”, tức cho rằng bổ ngữ được chuyển lên phía trước, trở thành chủ đề của câu nói (thao tác “chủ đề hóa” - topicalization), vẫn giữ nguyên cương vị là bổ ngữ trong câu và sẽ được gọi là bổ ngữ đảo trí.” (Nguyễn Văn Hiệp, 2017, tr.125). “*Quan điểm cho rằng đã xảy ra sự ‘đề bạt’, một sự thay đổi cương vị trong cấu trúc câu: bổ ngữ khi được đưa lên trước chủ ngữ sẽ trở thành khởi ngữ của câu. Theo chúng tôi đối với tiếng Việt, một ngôn ngữ đơn lập không biến đổi hình thái, nơi mà trật tự từ đóng vai trò cực kì quan trọng trong hình thức biểu đạt của câu, thì quan điểm này là rất hợp lí*”. (Nguyễn Văn Hiệp, 2012, tr.208). “Ở một ngôn ngữ SVO như tiếng Việt, việc đảo vị trí của O lên đầu câu thực chất là để có được ‘chủ đề được đánh dấu’, phân biệt với “chủ đề không đánh dấu” (do S đảm nhận) trong cấu trúc ban đầu. Thứ hai, là thành tố được đề bạt có đủ tiêu chí hình thức để được xem là khởi ngữ. Tiêu chí đó là đứng đầu câu (trước nòng cốt câu).

Quan điểm thứ hai cho rằng đây là câu không chủ ngữ với tân ngữ đứng đầu, tức xem danh ngữ “cái công đẳng trước” chỉ là một loại bổ ngữ đảo...Khác với khởi ngữ thực sự, bổ ngữ đảo có thể được đưa trở về vị trí gốc trong phép cải biến vị trí.” (Nguyễn Minh Thuyết, 2004, tr.234-235). “*Trong tiếng Việt, chức năng khu biệt nghĩa của trật tự từ thường đi kèm với chức năng cú pháp của nó. Điều này có nghĩa là việc thay đổi thứ tự sắp xếp các từ và cụm từ có thể đồng thời phá vỡ cả sơ đồ ngữ nghĩa lẫn sơ đồ ngữ pháp của câu.*” (Lý Toàn Thắng, 2004, tr.65). “Hai câu sau đây: Tôi có biết chuyện ấy. Và: - Chuyện ấy tôi có biết. Có cùng một nội dung thông tin sự kiện (vì có cùng những từ, những thành phần câu và những quan hệ cú pháp) nhưng lại có thông tin thực tại khác nhau (vì có trật tự từ không giống nhau.” (Lý Toàn Thắng, 2004, tr.70).

“*Nhưng, cũng như thông lệ của họ, hai thứ đề ấy đều là kết quả của những thao tác chuyển hóa, không phải về hình thái, mà về vị trí gọi là ‘chuyển vị’ (movement). Trong một câu như This book I have read. (Cuốn này tôi đọc rồi.) Ta có danh ngữ this book được đề hóa (topicalized) hoặc As for this book, I have read it. (Còn như cuốn này ý mà, tôi đã đọc nó rồi.) thì ta có một danh ngữ this book được “tháo rời và đưa sang bên trái”(left - dislocated) ...Hai câu trên là kết quả của sự chuyển đổi từ một câu lỗi trong đó this book không phải là đề: I have read this book. (Tôi đã đọc cuốn sách này rồi.)*”. (Cao Xuân Hạo, 1998, tr.240).

3.3. Nhận xét

Thông qua đối chiếu các câu trong bản gốc và bản dịch của tác phẩm Hồng Lâu Mộng, chúng ta có thể thấy, trật tự trong câu tiếng Trung không phân chia chính hay phụ. Tuy nhiên, các câu này sau khi dịch sang tiếng Việt thì trật tự đã thay đổi. Những nội dung cần nhấn mạnh hoặc được cho là quan trọng trong câu sẽ được nói trước, các nội dung khác nói sau. Từ đó có thể thấy được, sự khác nhau về việc sắp xếp ngữ nghĩa trong câu tiếng Trung và câu tiếng Việt.

Từ sự thay đổi trật tự trong câu tiếng Trung và bản dịch tiếng Việt dẫn đến sự khác nhau trong kiểu câu, chúng ta có thể thấy được: Tiếng Trung có cách nói đưa chủ đề lên trước khá phổ biến, tuy nhiên khi dịch sang tiếng Việt thì những từ chủ đề này lại được chuyển xuống vị trí của bổ ngữ (tân ngữ), đứng sau động từ, thay đổi kiểu câu tiếng Trung từ câu chủ đề thành câu hành động trong tiếng Việt, chúng ta thấy được, cách biểu đạt phổ biến trong tiếng Việt vẫn dùng là SVO.

4. Kết luận

Sự thay đổi trật tự trong câu chủ đề tiếng Trung trong bản dịch tiếng Việt đã làm thay đổi chức năng câu chủ đề, biến đổi chức năng của câu chủ đề tiếng Trung thành câu hành động trong bản dịch tiếng Việt. Tuy nhiên, cách phiên dịch trong bản dịch tiếng Việt cũng hoàn toàn có thể lí giải được.

Từ đó, ta có thể thấy được sự khác nhau trong câu tiếng Trung và tiếng Việt như sau: Các thành phần câu trong tiếng Trung bình đẳng với nhau, tiếng Trung có cách nói đưa chủ đề lên trước, phần phía sau bình luận chủ đề đó. Tuy nhiên, khi dịch sang tiếng Việt, hầu hết các chủ đề đó hoặc là biến thành bổ ngữ (tân ngữ), hoặc là biến thành động từ (như các câu phiên dịch phía trên). Chúng ta có thể thấy được, ngữ pháp câu trong tiếng Việt vẫn dùng chủ yếu là cấu trúc SVO nhiều hơn so với cách nói đưa chủ đề lên trước như tiếng Trung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Huy Cận (2005), *Tiếng Việt hiện nay và những vấn đề ngôn ngữ học liên ngành*, Nxb Khoa học xã hội.
2. Nguyễn Cao Đàm (2008), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Cao Xuân Hạo (1998), *Tiếng Việt – Mấy vấn đề ngữ âm ngữ pháp ngữ nghĩa*, NXB Giáo dục.
4. Nguyễn Văn Hiệp (2012), *Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
5. Nguyễn Văn Hiệp (2017), *Cú pháp tiếng Việt (Tái bản lần thứ nhất)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Nhóm dịch giả Vũ Bội Hoàng (dịch) (1989), *Hồng Lâu Mộng*, Nxb. Văn nghệ, Tp. Hồ Chí Minh.
7. Nguyễn Thị Luyện, Phan Thanh Hoàng (2022), *Việc chuyển dịch cụm từ bốn chữ tiếng Trung sang tiếng Việt (qua bản gốc và bản dịch Hồng Lâu Mộng)*, Tạp chí “Từ điển học và bách khoa thư”, số 2 (76), tr.22-29.
8. Nguyễn Thị Luyện, Phan Thanh Hoàng (2022), *Cách dịch tăng giảm hành thể trong câu hành động của tiếng Hán sang tiếng Việt, từ góc độ văn bản học và văn hóa chức năng*, Tạp chí “Ngôn ngữ và đời sống”, số 2 (322), tr.50-56.
9. Lý Toàn Thắng (2004), *Lý thuyết trật tự từ trong cú pháp*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp (2004), *Thành phần câu tiếng Việt*, NXB Giáo dục.
11. 张志公 (1985), 《现代汉语》 (中册), 人民教育出版社.

The translation position of the word in the topic sentences from Chinese to Vietnamese

Abstract: A Chinese topic sentence is a sentence that states the topic first, and then adds a comment section. The basic structure of the sentence is: “topic phrase + comment phrase”, the focus of this structure is on the subject phrase, the semantic focus is on the comment phrase. In this article, we conduct statistics of the first 80 acts of the work Hong Lau Mong and its equivalent translation, obtaining 5172 topic sentences. In which, there are 206 sentences after being translated into Vietnamese, there is a change in word order. The first type: the order in Chinese and Vietnamese sentences is different, the sentence type is unchanged, there are 57 sentences, accounting for 2.51% of the total topic sentences; The second type: the order in Chinese and Vietnamese sentences is different, the sentence type changes, including 149 sentences, accounting for 6.55% of the total topic sentences. Through comparing the original and the translation, we then point out the similarities and differences between Chinese and Vietnamese.

Key words: topic sentence; position of the word; translation; compare; Dream of the Red Mansions.